

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã thành phố Hải Phòng năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 310/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 149/BC-KTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã thành phố Hải Phòng năm 2026.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu (không bao gồm khoản thu tiền sử dụng đất) giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã thành phố Hải Phòng năm 2026.

2. Đối tượng áp dụng:

- Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể. Việc phân cấp nguồn thu phải dựa trên cơ sở đặc điểm,

tính chất từng nguồn thu và khả năng thu của từng địa phương; Việc phân cấp nhiệm vụ chi phải phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và năng lực quản lý của từng cấp chính quyền địa phương, đi đôi với đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mỗi cấp ngân sách.

2. Ngân sách thành phố giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ quan trọng trên địa bàn thành phố; đồng thời đảm bảo việc cân đối cho những địa phương chưa thể tự cân đối được, giúp cho các địa phương chủ động trong cân đối ngân sách cấp mình.

3. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm ổn định, công bằng, công khai, minh bạch, phát triển cân đối giữa các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố để chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu; đảm bảo tập trung điều hành ngân sách các cấp trong phạm vi quản lý của các cấp chính quyền địa phương.

4. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp ngân sách cấp xã hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của ngân sách cùng cấp mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách thì ngân sách thành phố xem xét hỗ trợ ngân sách cấp xã theo khả năng của ngân sách thành phố.

5. Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ 100 tỷ đồng của doanh nghiệp, dự án mới đi vào hoạt động chưa được tính toán khi xây dựng, giao dự toán thu cho cấp xã làm ngân sách cấp xã tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách thành phố. Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thu về ngân sách thành phố số tăng thu này, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mục 1

PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%

1. Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

2. Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; khu vực ngoài quốc doanh thuộc Thuế thành phố Hải Phòng quản lý.

3. Thu phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản).

4. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thuộc thành phố quản lý thực hiện; Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật (không kể phí bảo vệ môi trường).

5. Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài).

6. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

7. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

8. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

9. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

10. Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật cho ngân sách thành phố.

11. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật do địa phương cấp phép.

12. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật.

13. Tiền thu từ xử phạt các vi phạm hành chính, phạt khác nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do cơ quan Nhà nước thuộc thành phố quyết định thực hiện.

14. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách thành phố đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại Công ty Cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu.

15. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

16. Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của thành phố.

17. Các khoản thu khác nộp ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật.

18. Thu kết dư ngân sách thành phố (phần đưa vào thu ngân sách năm sau).
19. Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố từ năm trước chuyển sang.
20. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của địa phương.
21. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn cấp xã.
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn cấp xã.
3. Lệ phí trước bạ nhà đất trên địa bàn cấp xã.
4. Lệ phí môn bài thu từ khu vực ngoài quốc doanh thuộc Thuế cơ sở trực thuộc Thuế thành phố Hải Phòng quản lý.
5. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thuộc cấp xã quản lý thực hiện; Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp xã và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
6. Lệ phí do cấp xã quản lý thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài).
7. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.
8. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.
9. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do cấp xã quản lý.
10. Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã.
11. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.
12. Các khoản xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định thực hiện và quản lý.
13. Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.
14. Thu kết dư ngân sách cấp xã (phần đưa vào thu ngân sách năm sau).
15. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.
16. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

Điều 5. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách

1. Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng; thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu).

3. Thuế thu nhập cá nhân.

4. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết và khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)).

5. Thuế bảo vệ môi trường (phần ngân sách địa phương được hưởng, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu).

6. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do Trung ương cấp phép.

7. Các khoản thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

8. Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất).

(Cụ thể tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)

Điều 6. Phân cấp, phân chia khoản thu tiền chậm nộp

1. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng từng tiêu mục theo quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước: Thực hiện phân cấp, phân chia theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp được quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu: Thực hiện phân cấp và phân chia theo nguyên tắc số thu tiền chậm nộp từ người nộp với cấp nào quản lý thì ngân sách cấp đó hưởng 100% (cấp tỉnh quản lý thu thì ngân sách thành phố hưởng 100%, cấp xã quản lý thu thì ngân sách cấp xã hưởng 100%).

3. Các khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng: Ngân sách thành phố hưởng 100%.

Mục 2**PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG****Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố****1. Chi đầu tư phát triển:**

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác theo các lĩnh vực do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của thành phố; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do thành phố quản lý hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do thành phố quản lý, bao gồm: Giáo dục trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, các trường chuyên biệt và sự nghiệp giáo dục khác; giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; bồi dưỡng lý luận chính trị theo phân cấp thành phố quản lý; đào tạo nghề và các hình thức đào tạo khác của thành phố.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do thành phố quản lý.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao cho thành phố quản lý, đảm bảo theo quy định; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách Trung ương theo phân cấp.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do thành phố quản lý (bao gồm cả các Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế theo phân cấp quản lý).

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin do thành phố quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do thành phố quản lý.

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao do thành phố quản lý.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do thành phố quản lý.

i) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do thành phố quản lý.

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản

Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc do thành phố quản lý.

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý.

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý.

n) Các khoản chi thường xuyên khác do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền thành phố vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của ngân sách thành phố.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách thành phố.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp xã quản lý:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác theo các lĩnh vực do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp xã quản lý hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của cấp xã quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo cấp xã quản lý, bao gồm: Trung học cơ sở, tiểu học, mầm non và Trung tâm bồi dưỡng chính trị (nếu có); các hoạt động giáo dục, đào tạo khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý theo phân cấp.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao cho cấp xã quản lý, đảm bảo theo quy định.

d) Chi hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do cấp xã quản lý theo phân cấp.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp xã quản lý.

- e) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh do cấp xã quản lý.
 - g) Sự nghiệp thể dục, thể thao do cấp xã quản lý.
 - h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý theo phân cấp.
 - i) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do cấp xã quản lý.
 - k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc do cấp xã quản lý.
 - l) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.
 - m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.
 - n) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.
3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.
4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Mục 3

THƯỜNG VƯỢT THU

Điều 9. Thường vượt thu cho ngân sách cấp xã

Hết năm ngân sách, trường hợp có tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết này và ngân sách thành phố không hụt thu so với dự toán, ngân sách thành phố trích một phần số tăng thu của các khoản thu phân chia này để thưởng cho các địa phương (xã, phường, đặc khu) có tăng thu theo nguyên tắc và mức thưởng như sau:

1. Căn cứ xét thưởng cho từng địa phương là tổng các khoản thu phân chia trên địa bàn từng địa phương, không tính riêng từng khoản thu.
2. Mức thưởng cho các địa phương có tăng thu theo tỷ lệ không quá 20% số tăng thu phần ngân sách thành phố được hưởng của các khoản thu phân chia.
3. Phương án thưởng vượt thu cho ngân sách cấp xã được tổng hợp chung trong phương án sử dụng tăng thu so với dự toán của ngân sách thành phố. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sử dụng tăng thu sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.
4. Căn cứ vào mức thưởng do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng số được thưởng vượt thu để thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ quan trọng, cần thiết trên địa bàn.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng đối với năm ngân sách 2026.

2. Các quy định tại Điều 1, Điều 2 và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thành phố Hải Phòng; sửa đổi, bổ sung quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và vốn đầu tư công ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Việc thực hiện quy định tại Nghị quyết này đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung liên quan.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức và chỉ đạo các cấp, các ngành, các đơn vị và các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá XVI, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác Đại biểu (Quốc hội);
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC (Bộ TP);
- TT TU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Sở Tư pháp;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- CVP, các PCVP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC
TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC
CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày .../.../2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách cấp xã
1	Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng; thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)			
1.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương quản lý; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	16	84	
1.2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh			
a	Các doanh nghiệp: Chi nhánh tại Hải Phòng - Công ty Cổ phần Vinhomes, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hoàng Long, Công ty Cổ phần Phát triển NVY Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy, Công ty TNHH Một thành viên Phát triển đô thị Trảng Cát, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV, Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast, Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Phú Quốc - Chi nhánh Cát Bà, Công ty Cổ phần Đầu tư Trung Quý - Bắc Ninh - Chi nhánh Hải Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư DVS Việt Nam, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương, Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát, Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	16	84	
b	Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh còn lại			
	- Các địa phương tự cân đối ngân sách:			
	+ Phường Hồng Bàng	16	51	33
	+ Phường An Biên	16	30	54

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách cấp xã
	+ Phường Ngô Quyền	16	53	31
	+ Phường Gia Viên	16	44	40
	+ Phường Hải An	16	49	35
	+ Phường Đông Hải	16	77	7
	+ Đặc khu Cát Hải	16	30	54
	+ Phường Lê Thanh Nghị	16	38	46
	+ Phường Thành Đông	16	37	47
	- Các xã, phường còn lại	16	30	54
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu)			
2.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương quản lý; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	16	84	
2.2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh			
a	Các doanh nghiệp: Chi nhánh tại Hải Phòng - Công ty Cổ phần Vinhomes, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hoàng Long, Công ty Cổ phần Phát triển NVY Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy, Công ty TNHH Một thành viên Phát triển đô thị Trảng Cát, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV, Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast, Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Phú Quốc - Chi nhánh Cát Bà, Công ty Cổ phần Đầu tư Trung Quý - Bắc Ninh - Chi nhánh Hải Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư DVS Việt Nam, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương, Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát, Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	16	84	
b	Các doanh nghiệp còn lại			
	- Các địa phương tự cân đối ngân sách:			
	+ Phường Hồng Bàng	16	51	33

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách cấp xã
	+ Phường An Biên	16	30	54
	+ Phường Ngô Quyền	16	53	31
	+ Phường Gia Viên	16	44	40
	+ Phường Hải An	16	49	35
	+ Phường Đông Hải	16	77	7
	+ Đặc khu Cát Hải	16	30	54
	+ Phường Lê Thanh Nghị	16	38	46
	+ Phường Thành Đông	16	37	47
	- Các xã, phường còn lại	16	30	54
3	Thuế thu nhập cá nhân	16	84	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết và khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có))			
4.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và địa phương quản lý; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	16	84	
4.2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh			
a	Các doanh nghiệp: Chi nhánh tại Hải Phòng - Công ty Cổ phần Vinhomes, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hoàng Long, Công ty Cổ phần Phát triển NVY Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy, Công ty TNHH Một thành viên Phát triển đô thị Trảng Cát, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV, Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast, Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Phú Quốc - Chi nhánh Cát Bà, Công ty Cổ phần Đầu tư Trung Quý - Bắc Ninh - Chi nhánh Hải Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư DVS Việt Nam, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương, Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát, Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	16	84	
b	Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh còn lại			

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách cấp xã
	- Các địa phương tự cân đối ngân sách:			
	+ Phường Hồng Bàng	16	51	33
	+ Phường An Biên	16	30	54
	+ Phường Ngô Quyền	16	53	31
	+ Phường Gia Viên	16	44	40
	+ Phường Hải An	16	49	35
	+ Phường Đông Hải	16	77	7
	+ Đặc khu Cát Hải	16	30	54
	+ Phường Lê Thanh Nghị	16	38	46
	+ Phường Thành Đông	16	37	47
	- Các xã, phường còn lại	16	30	54
5	Thuế bảo vệ môi trường (phần ngân sách địa phương được hưởng, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; phần xác định phân chia thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính)	16	84	
6	Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật			
6.1	Giấy phép do Trung ương cấp	70	30	
6.2	Giấy phép do địa phương cấp		100	
7	Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)		100	
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100
10	Các khoản thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)			
10.1	Tiền thuê đất hàng năm (theo sổ bộ) trên địa bàn cấp xã	20	40	40
10.2	Các khoản thu tiền thuê đất, thuê mặt nước còn lại	20	80	

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách cấp xã
11	Lệ phí trước bạ nhà đất			100
12	Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất)		50	50
13	Lệ phí môn bài			
13.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và địa phương quản lý; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		100	
13.2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh			
a	Thuế thành phố quản lý		100	
b	Thuế cơ sở trực thuộc quản lý			100
14	Thu phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản)		100	
15	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước quản lý thực hiện; Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công (không kể phí bảo vệ môi trường)			
15.1	Thuộc thành phố quản lý		100	
15.2	Thuộc cấp xã quản lý			100
16	Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)			
16.1	Thuộc thành phố quản lý		100	
16.2	Thuộc cấp xã quản lý			100
17	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công			
17.1	Do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố quản lý, xử lý		100	
17.2	Do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã quản lý, xử lý theo phân cấp của thành phố			100
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước			
18.1	Do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố xử lý		100	
18.2	Do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý			100

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách cấp xã
19	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán		100	
20	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		100	
21	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do cấp xã quản lý			100
22	Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật			
22.1	Thuộc ngân sách thành phố		100	
22.2	Thuộc ngân sách cấp xã			100
23	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật			
23.1	Thuộc ngân sách thành phố		100	
23.1	Thuộc ngân sách cấp xã			100
24	Tiền thu từ xử phạt các vi phạm hành chính, phạt khác nộp ngân sách theo quy định của pháp luật			
24.1	Thuộc thành phố quyết định thực hiện		100	
24.2	Thuộc cấp xã quyết định thực hiện			100
25	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách thành phố đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại Công ty Cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu		100	
26	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa		100	
27	Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của thành phố		100	
28	Các khoản thu khác nộp ngân sách theo quy định của pháp luật			

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách cấp xã
28.1	Thuộc ngân sách thành phố		100	
28.2	Thuộc ngân sách cấp xã			100
29	Thu kết dư ngân sách (phần đưa vào thu ngân sách năm sau)			
29.1	Thuộc ngân sách thành phố		100	
29.2	Thuộc ngân sách cấp xã			100
30	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
30.1	Thuộc ngân sách thành phố		100	
30.2	Thuộc ngân sách cấp xã			100
31	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của địa phương		100	